

Bản án số: 39/2026/DS-ST

Ngày: 29/4/2026.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Lê .

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2025/TLST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2026/QĐXXST-DS, ngày 13/4/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1959. CCCD: 038059006994. Nơi cư trú: Thôn A, xã N, tỉnh Đồng Nai. (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Lý Thị N, sinh năm 1972. (Xin vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú trước đây: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn A, xã N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2025 nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Thông qua người quen ông biết bà Lý Thị N. Theo đó ngày 01/01/2023 ông cho bà N vay số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 11.000.000 đồng/tháng. Bà N nói là vay về mua đất, xây dựng đầu tư. Thỏa thuận thời hạn trả là khoảng 01 năm. Bà Nhanh đã trả đến hết năm 2023. Đến ngày 05/12/2023 ông và bà N thông

nhất thỏa thuận trả số tiền nêu trên là trước ngày 05/02/2025 và viết giấy xác nhận nợ. Trong năm 2024 bà N chỉ trả được 01 tháng tiền lãi là 11.000.000 đồng. Do bà N không trả lãi đúng hạn nên ông khởi kiện yêu cầu trả gốc 800.000.000 đồng và lãi suất là 11%/năm kể từ ngày 05/12/2023 tạm tính đến ngày 03/10/2025 nay là 158.400.000 đồng, trừ đi số tiền đã trả trước 11.000.000 đồng, số tiền còn phải trả là 147.400.000; yêu cầu tiếp tục chịu lãi cho đến khi thi hành xong.

Tại lời khai ngày 22/12/2025 và quá trình giải quyết nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày: Theo ông nhớ trong năm 2022 ông cho bà N vay 02 lần, tổng cộng là 800.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian trả là 01 năm. Tuy nhiên sau này bà N không trả được đúng hạn nên hết thời gian khoảng 01 năm mới thống nhất viết lại giấy xác nhận nợ là ngày 05/12/2022 và thỏa thuận thời gian trả là ngày 05/02/2025 với lãi suất 11%/năm. Việc thỏa thuận có lập “GIẤY XÁC NHẬN NỢ” sau đó bà N ký tên và điểm chỉ. Trong đơn khởi kiện ghi ngày cho vay là 01/01/2023 và ngày 05/12/2023 viết lại giấy là chưa chính xác. Quá trình thực hiện bà N đã thanh toán cho ông số tiền lãi vay trong năm 2023 và 01 tháng trong đầu năm 2024 (tức tháng 01/2024). Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc 800.000.000 đồng; yêu cầu tính lãi từ ngày 05/02/2024 cho đến khi thi hành xong với lãi suất là 11%/năm. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 29/4/2026 và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc 800.000.000 đồng, xin thay đổi về yêu cầu tính lãi suất với mức 10%/năm kể từ ngày 06/02/2025 cho đến khi giải quyết xong vụ án và tiếp tục chịu lãi suất với mức 10% trên số tiền nợ gốc cho đến khi thi hành xong.

Bị đơn bà Lý Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các thủ tục tố tụng giải quyết vụ án nhưng không tham gia làm việc và không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Thông qua đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 13/01/2026 bà N xác nhận có vay tiền của ông T, hiện nay chưa có điều kiện trả.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án giải xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu trả số tiền vay gốc 800.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về trả số tiền gốc, căn cứ khởi kiện là “GIẤY XÁC NHẬN NỢ” ngày 05/12/2022.

Căn cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 05/12/2022 ông Lê Văn T và bà Lý Thị N đã tự đối chiếu các khoản vay tính đến ngày 05/12/2022. Trong đó phía bà Lý Thị N còn nợ ông Lê Văn T số tiền là 800.000.000 đồng. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận thời hạn trả gốc và lãi trước ngày 05/02/2025; trường hợp chậm trả theo thỏa thuận thì sẽ chịu trách nhiệm đối với số tiền chậm trả. Giấy xác nhận có ghi họ tên bà Lý Thị N và điểm chỉ vân tay.

Quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị N không tham gia làm việc và không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Thông qua đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 13/01/2026 bà N xác nhận có vay tiền của ông T, hiện nay chưa có điều kiện trả.

Vì vậy, có cơ sở xác định trước ngày 05/12/2022 ông T cho bà N vay nhiều lần. Đến ngày 05/12/2022 các bên mới thống nhất đối chiếu số tiền chưa thanh toán và viết giấy xác nhận có nội dung như tài liệu ông T cung cấp. Số tiền còn nợ lại đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi suất:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn khẳng định các bên thỏa thuận lãi suất là 11.000.000 đồng/tháng (tương đương 16,5%/năm), nhưng hiện nay chỉ yêu cầu tính với mức 10%/năm. Phía bị đơn thừa nhận có vay nhưng không cho ý kiến cụ thể về việc thỏa thuận lãi suất.

Căn cứ tại Điều 3 tài liệu khởi kiện phía nguyên đơn cung cấp thể hiện các bên có thỏa thuận bên B (tức bà N) cam kết thanh toán cả nợ gốc và lãi trước ngày 05/02/2025.

Như vậy, thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất đối với khoản tiền cho vay. Quá thời hạn trả nợ phía bị đơn không trả tiền gốc và lãi nên phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự kể từ thời điểm chậm trả; Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự và được tính như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 800.000.000 đồng (nợ gốc quá hạn chưa trả) x 10%/năm x 13 tháng 23 ngày (thời gian từ ngày 06/02/2025 đến ngày 29/4/2026) = 91.410.659 đồng, làm tròn số là 91.410.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền vay gốc và lãi cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 891.410.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc bà Lý Thị N phải trả cho ông Lê Văn T số tiền vay gốc là 800.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 29/4/2026 là 91.410.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi phải trả là 891.410.000 đồng (T trăm chín mươi một triệu, bốn trăm mười ngàn đồng).

Kể từ ngày 30/4/2026 bà Lý Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Lý Thị N phải chịu 38.742.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

(Ông Lê Văn T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm)

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 12;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - VP - KT.

(Số lượng: 10 bản)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Tình